**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | | **Vận dụng cao** | | | |  | | |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | **Nội dung 1:**  Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | **Nhận biết**  - Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên (Câu 1)  - Nhận biết được hỗn số dương (Câu 3)  - So sánh được hai phân số cho trước (Câu 2)  – Nhận biết được số đối của một phân số | | **3**  (0,75 ) | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | **7,5%** | | |
| **Nội dung 2:** Các phép tính với phân số | **Thông hiểu**  **-** Rút gọn phân số ( Câu 9)  - Dựa vào định nghĩa hai phân số bằng nhau để tìm giá trị của x (Câu 7)  **-** Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số  (Câu 13a, câu 14a) | |  | |  | | **2**  (0,5 ) | | **2**  (1,0 đ) | |  | |  | |  | |  | | **15%** | | |
| **Vận dụng**  - Quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước (Câu 11), tìm một số khi biết giá trị một phân số của nó ( Câu 12)  - Vận dụng được các tính chất: giao hoán, kết hợp, phân phối giữa phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán(tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý (Câu 14b)  - Vận dụng hai bài toán về phân số để giải quyết được một số bài toán thực tiễn. (Câu 15) | |  | |  | | 2  (0,5) | |  | |  | | **2**  (2,5) | |  | |  | | **30%** | | |
| **Vận dụng cao**  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số. (Câu 17) | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | **1**  (1,0đ) | | **10%** | | |
| 2 | **Chủ đề 2: Số thập phân** | **Nội dung 1:** **Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm** | **Nhận biết**  - Nhận biết được số thập phân âm, làm tròn số thập phân(Câu 6)  – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân | | **1**  (0,25) | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | **2,5%** | | |
| **Thông hiểu**  - So sánh số thập phân  - Thực hiện được các phép toán cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân (Câu 13b, câu 5) | |  | |  | | 1  (0,25) | | **1**  (0,5đ) | |  | |  | |  | |  | | **7,5%** | | |
| – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng (câu 10 )  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). | |  | |  | | 1  (0,25) | |  | |  | |  | |  | |  | | 2,5% | | |
| 3 | Chủ đề 3: Các hình hình học cơ bản | **Nội dung 1: Điểm, đường thẳng, tia** | **Nhận biết**  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng  Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm  - Nhận biết được khái niệm hai tia đối nhau (Câu 4) | | **1**  (0,25) | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | **2,5%** | | |
| Thông hiểu  - Dựa vào điểm nằm giữa để tính độ dài đoạn thẳng (Câu 8, câu 16a) | | **1**  (0,25) | |  | |  | | **1**  (1đ) | |  | |  | |  | |  | | **12,5%** | | |
| Vận dụng  Dựa vào tính chất về trung điểm của đoạn thẳng để tính độ dài đoạn thẳng (Câu 16b) | |  | |  | |  | |  | |  | | 1  (1,0đ) | |  | |  | | **10%** | | |
| **Tổng** | | | |  | | 6 | | 0 | | 6 | | 4 | |  | | 3 | | 0 | | 1 | | 23 | |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | | **15%** | | | | **40%** | | | | **35%** | | | | **10%** | | | | **100%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **55%** | | | | | | | | **45%** | | | | | | | | | **100%** |

| **TRƯỜNG THCS……………………** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – MÔN TOÁN LỚP 6**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |
| --- | --- |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0điểm)**

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời là đúng.

**Câu 1:** Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

| A. | B. | C. | D. |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 2:** Hãy chọn cách so sánh đúng ?

| A. | B. | C. | D. |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 3.** Hỗn số được viết dưới dạng phân số ?



| A. | B. | C. | D. |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 4:** Trong hình bên:

Hai tia đối nhau là:

| A. Bx và By | B. Ax và By | C. AB và Ay | D. Ay và Bx |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 5:** Số 3,148 được làm tròn đến hàng phần mười là:

| A. 3,3 | B.3,1 | C. 3,2 | D. 3,5 |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 6:** Phân số được viết dưới dạng số thập phân ?



| A. -1,3 | B. 1,3 | C. -3,1 | D. 3,1 |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 7:** Cho . Giá trị của x là:



| A. -16 | B. -12 | C. 12 | D. 16 |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 8:** Cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C. Biết AB = 3cm, AC = 1dm. Độ dài đoạn thẳng BC là:

| A. 2cm | B. 4cm | C. 7cm | D. 13cm |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 9:** Rút gọn phân số: được kết quả là:



1. B. C. D.



**Câu 10:** Tỉ số của 75dm và 5m là:

A. B. 15 C. D.



**Câu 11:**  của 35 là:



1. 5 B. 21 C. 15 D.



**Câu 12:** của một số là 36. Số đó là:



1. 48 B. 84 C. D. -84



**PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 13 (1,0 điểm):** Thực hiện các phép tính sau:

a) + ; b)



**Câu 14(1,0 điểm)** Tìm x, biết: a) ; b)



**Câu 15 (2 điểm).** Một khu vườn trồng 300 cây ăn quả gồm 3 loại Cam, Xoài, Nhãn. Số cây Nhãn bằng tổng số cây trong vườn, số cây Xoài bằng tổng số cây còn lại. Tính số cây mỗi loại.



**Câu 16(2 điểm).** Cho đoạn thẳng MP = 8cm, trên đoạn thẳng MP vẽ điểm N sao cho

MN = 2cm.

1. Tính độ dài đoạn thẳng NP ?
2. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng NP. Tính độ dài đoạn thẳng MI ?

Câu 17(1,0điểm). Cho S =



và P = . Tính



------------------HẾT-------------------

| **HD CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ II**  ***NĂM HỌC ………….***  **Môn thi : Toán - Lớp: 6**  **Thời gian : 90 phút** (*không kể thời gian giao đề*) |
| --- |

**I/ PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)* :** *Mỗi ý đúng được 0,25 điểm*

| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đáp án** | B | D | C | A | B | C | B | C | A | C | C | A |

**II/ PHẦN II: TỰ LUẬN *(6,0 điểm)*:**

| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **13** | **a** | a) + = | 0,5 |
| **b** | b) =  = (- ) - = 0 - = | 0,25  0,25 |
| **14** | **a** |  | 0,25  0,25 |
| **b** | = | 0,25  0,25 |
| **15** |  | Số cây nhãn là : .300 = 160 (cây)  Số cây còn lại là: 300 – 160 = 140 ( cây)  Số cây xoài là: .140 = 80 (cây)  Số cây cam là:140 – 80 = 60 (cây)  Vậy trong vườn có: 160 cây nhãn  80 cây xoài  60 cây cam | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| **16** | **a** | Hình bên:  M N I P  Vì N là một điểm thuộc đoạn thẳng MP nên điểm N nằm giữa hai điểm M và P.  Khi đó: MN + NP = MP  hay 2 + NP = 8  NP = 8 - 2 = 6 (cm) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b** | - Vì I là trung điểm của đoạn thẳng NP nên: NI =  = 3(cm)  - Vì điểm N nằm giữa hai điểm M và P, mà I là trung điểm của đoạn thẳng NP nên điểm N nằm giữa hai điểm M và I, khi đó:  MN + NI = MI  hay 2 + 3 = MI  Vậy MI = 5(cm) | 0,5  0,25  0,25 |
| **17** |  | Ta có:  =  =  =  =  Khi đó: | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

**Chú ý:** *Các cách làm khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa, điểm thành phần giám khảo tự phân chia trên cơ sở tham khảo điểm thành phần của đáp án.*